

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÐ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST

Ngày: 26/4/2022.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Văn Tình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thành Đô.

2. Bà Lê Thị Thận.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

**- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2021/TLST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-DS, ngày 14/02/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Đ, sinh N 1963.

HKTT: Ấp 2, thị trấn TP, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: Thôn 4, xã BB, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ninh Thị Nguyên H1, sinh năm 1987. (Có mặt)

HKTT: Ấp 9, xã TL, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 bà Phan Thị Dung N, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

HKTT: Thôn 3, xã BB, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Phan Thị Dung N: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992. (Có mặt)

HKTT: Thôn 5, xã ĐL, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:** Bà Đ quen biết vợ chồng ông H bà N. Do cần tiền làm ăn nên ngày 20/7/2018 ông H bà N vay của bà Đ số tiền 300.000.000 đồng. Thỏa thuận thời hạn trả là đến mùa điều năm 2019, mỗi tháng trả góp 30.000.000 đồng, lãi suất theo Ngân hàng nông nghiệp. Khi vay có viết giấy nhưng chỉ bà N ký nhận. Nguồn tiền cho vay là riêng của bà Đ, không liên quan đến chồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông H bà N chỉ trả được 200.000.000 đồng tiền gốc, trong đó có 90.000.000 đồng làm giấy tờ, còn 110.000.000 đồng không làm giấy tờ; tiền lãi chưa trả. Quá thời hạn trả nợ bà Đ đã nhiều lần yêu cầu trả và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã BB giải quyết nhưng ông H bà N không trả nên khởi kiện yêu cầu trả số tiền 100.000.000 đồng gốc còn lại, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

**Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà N trình bày:** Bà là vợ của ông Nguyễn Văn H. Khoản vay 300.000.000 đồng theo giấy vay ngày 20/7/2018 thực tế là khoản tiền lãi của khoản vay 400.000.000 đồng từ 2014, khi vay thỏa thuận thời hạn trả là một thời gian không cụ thể, lãi suất 2.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày; mục đích bà vay về để kinh doanh mua bán hạt điều gia đình. Khi vay có viết giấy và bà Đ giữ. Số tiền vay gốc nêu trên bà đã thanh toán hết cho bà Đ, bà Đ hủy bỏ giấy vay trước đó, nhưng tiền lãi chưa trả nên bà Đ cộng lãi suất lại thành số tiền 300.000 đồng theo như giấy vay ngày 20/7/2018. Sau đó tháng nào bà cũng trả số tiền lãi nêu trên cho bà Đ với số tiền 1.500.000 đồng/ tháng cho đến khi bà Đ làm đơn khởi kiện. Tổng số tiền đã trả được là 240.000.000 đồng, còn lại 60.000.000 đồng. Hiện nay chỉ đồng ý trả 60.000.000 đồng, không yêu cầu giải quyết về số tiền lãi đã trả.

**Người đại diện của bà N quá trình giải quyết và tại phiên tòa trình bày:** Xác nhận bà Phan Thị Dung N có vay của bà Phạm Thị Đ số tiền 300.000.000đ ngày 20/7/2018, số tiền này bà N cho rằng vay để sử dụng chi tiêu cá nhân, không liên quan đến ông H.

Ngoài các lần trả tổng cộng 90.000.000 đồng có sự xác nhận của bà Đ thì bà N còn trả cho bà Đ thêm được 03 lần nhưng không làm giấy tờ. Trong đó một lần trả 60.000.000 đồng, một lần 50.000.000 đồng và một lần 40.000.000 đồng. Việc trả các khoản này bà Đ vẫn thừa nhận hai khoản là 60.000.000đ, một lần 50.000.000đ. Bà N cũng không nhớ thời gian đã trả các lần nêu trên. Khi trả hai bên tự ghi vào sổ của mình để theo dõi, nhưng trong sổ của bà N không được bà Đ xác nhận. Hiện nay bà N xác nhận chỉ còn nợ bà Đ 60.000.000đ nên chỉ đồng ý trả số tiền còn lại.

**Bị đơn ông H quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án làm việc; không tham gia phiên tòa sơ thẩm và gửi ý kiến cho Tòa án. Tòa án đã trực tiếp đến nhà ông H nhiều lần để ghi lời khai nhưng không thực hiện được.**

**Đ diện viện kiểm sát nhân dân huyện BD phát biểu ý kiến:** Về tố tụng Tòa

án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc trả số tiền vay gốc còn lại và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:*

[1] Về sự có mặt các đương sự: Bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu trả số tiền vay gốc còn lại 100.000.000 đồng:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận ngày 20/7/2018 bà N nợ của bà Đ số tiền 300.000.000 đồng theo giấy vay ngày 20/7/2018. Các khoản bà N đã trả và được bà Đ xác nhận trong giấy ghi các lần trả là 90.000.000 đồng. Phía bà N cho rằng ngoài khoản trả có tài liệu thì bà N còn trả thêm cho bà Đ được 03 lần tổng cộng 150.000.000 đồng, nhưng phía bà Đ chỉ thừa nhận các khoản trả không làm giấy tờ tổng cộng là 110.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía bà N đưa ra được tài liệu về các khoản đã trả được bà Đ xác nhận tổng cộng là 90.000.000 đồng. Phía bà N cho rằng đã trả thêm cho bà Đ thêm 03 lần tổng cộng là 150.000.000 đồng, trong đó một lần trả 60.000.000 đồng, một lần trả 50.000.000 đồng và một lần trả 40.000.000 đồng. Phía bà Đ thừa nhận bà N đã trả thêm được 02 lần, tổng cộng là 110.000.000 đồng nên được coi là tình tiết không cần phải chứng minh. Đối với số tiền 40.000.000 đồng cho rằng trả thêm nhưng bà Đ không thừa nhận, phía bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh và cho rằng không nhớ thời gian, địa điểm trả nên ý kiến của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa sơ thẩm và gửi ý kiến cho Tòa án nên coi như tự từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với nguyên đơn.

Các đương sự thừa nhận số tiền vay còn lại đã quá thời hạn trả, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng bị đơn không trả hết nên có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ: Phía bị đơn bà N cho rằng khoản vay nêu trên là khoản vay riêng của bà N, không liên quan đến ông H. Tuy nhiên, căn cứ lời khai ngày 26/01/2022 của bà N thể hiện khoản vay của bà Đ vay về để kinh doanh hạt điều trong gia đình. Mặc dù ông H chỉ đi làm rẫy, không tham gia kinh doanh nhưng lợi nhuận từ việc kinh doanh thì vẫn dùng để trang trải gia đình, vợ chồng bà vẫn sống hạnh phúc, không thỏa thuận về tài sản chung hay riêng. Như vậy có đủ cơ sở xác định là nợ

chung của ông H bà N nên cần buộc ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp,

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn H bà Phan Thị Dung N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Đ tổng cộng số tiền vay gốc còn lại là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn H bà Phan Thị Dung N liên đới chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện BD hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000022 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện BD;
- CCTHADS huyện BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Văn Tình**